BQL VQG PHONG NHA - KẺ BÀNG
TTDL PHONG NHA - KẺ BÀNG

Số: 671/TB-TTDL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 29 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc công khai lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết sử dụng tài sản công tại Trung tâm Du lịch Phong Nha - Kẻ Bàng

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 và Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Luật Du lịch số 09/2017/QH14; Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới;

Căn cứ Quyết định số 1892/2025/QĐ-UBND ngày 06/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Du lịch Phong Nha - Kẻ Bàng thuộc Ban Quản lý VQG Phong Nha - Kẻ Bàng;

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 433/2026/3488-CT-TMC ngày 13/10/2026 của Công ty cổ phần thẩm định giá TMC;

Căn cứ Quyết định số 232/QĐ-VQG ngày 28/10/2026 của Ban Quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng về việc phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại Trung tâm Du lịch Phong Nha - Kẻ Bàng vào mục đích liên doanh, liên kết;

Căn cứ Đề án số 669/ĐA-TTDL ngày 28/10/2026 của Trung tâm Du lịch Phong Nha - Kẻ Bàng về sử tài sản công tại Trung tâm Du lịch Phong Nha - Kẻ Bàng vào mục đích liên doanh, liên kết;

Trung tâm Du lịch Phong Nha - Kẻ Bàng thông báo công khai việc lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết sử dụng tài sản công với các nội dung chi tiết như sau:

I. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ CÔNG BỐ THÔNG BÁO

1. Tên đơn vị: Trung tâm Du lịch Phong Nha - Kẻ Bàng (thuộc Ban Quản lý VQG Phong Nha - Kẻ Bàng).

2. Địa chỉ: Xã Phong Nha, tỉnh Quảng Trị.

3. Phân loại đơn vị: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (Nhóm I); có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật.

II. THÔNG TIN TÀI SẢN CÔNG VÀ PHƯƠNG ÁN LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

1. Danh mục tài sản công đưa vào liên doanh, liên kết

Căn cứ Đề án số 669/ĐA-TTDL ngày 28/10/2026, danh mục tài sản công đưa vào liên doanh, liên kết gồm **123 đơn vị tài sản** (bao gồm quyền sử dụng đất, nhà đón tiếp, bến thuyền, hạ tầng sàn đạo, trạm biến áp, hệ thống điện chiếu sáng tại động Phong Nha, động Tiên Sơn và Trung tâm đón tiếp), cụ thể:

- Tổng nguyên giá theo sổ sách kế toán: **97.557.288.184 đồng.**
- Tổng giá trị còn lại theo sổ sách kế toán: **69.213.172.383 đồng.**
- Giá trị tài sản sau khi thẩm định giá (theo Chứng thư số 433/2026/3488-CT-TMC): **108.466.460.918 đồng.**
- Phần giá trị tài sản tính vào giá trị góp vốn liên doanh, liên kết của Trung tâm Du lịch: **19.415.469.322 đồng** (xác định trên cơ sở tỷ lệ thời gian sử dụng 12/12 tháng và tần suất sử dụng tài sản liên doanh liên kết là 17,9% theo Đề án được duyệt).

2. Mục đích sử dụng tài sản công liên doanh, liên kết

Hợp tác đầu tư, quản lý khai thác nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch, khắc phục tính thời vụ, đa dạng hóa chuỗi sản phẩm trải nghiệm tại động Phong Nha và động Tiên Sơn; bảo tồn và phát huy giá trị Di sản Thiên nhiên Thế giới Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng; gia tăng nguồn thu ngân sách nhà nước và bảo đảm sinh kế lâu dài cho người dân địa phương.

3. Các mô hình và sản phẩm dịch vụ mới triển khai đầu tư

- Dịch vụ thuyền máy điện: Đầu tư mới 20 thuyền máy điện và 02 trạm sạc tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn đường thủy, thay pin mô-đun, bảo vệ môi trường nước và không gian di sản.

- Dịch vụ chiếu sáng nghệ thuật 3D Mapping: Đầu tư hệ thống trình chiếu 3D Mapping tại hang Bi Ký / hang Tiên thuộc động Phong Nha (diện tích khoang chiếu ~500 m^2), tuân thủ tuyệt đối quy định UNESCO về kiểm soát nhiệt lượng, dải sáng, chống rêu mốc.

- Dịch vụ nhà hàng Buffet: Đầu tư bếp ăn, cải tạo nâng cấp cơ sở nhà hàng ẩm thực buffet cao cấp tại khu Trung tâm phục vụ du khách.

- Hệ thống công nghệ và quản trị: Trang bị hệ thống vé điện tử (E-ticket), cổng soát vé tự động và tổ chức chuẩn hóa quy trình, đào tạo nguồn nhân lực.

III. PHƯƠNG THỨC, THỜI HẠN VÀ PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH

1. Hình thức thực hiện: Liên doanh, liên kết **không thành lập pháp nhân mới** theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 55 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP. Các bên cùng cử đại diện tham gia Bộ phận điều hành chung để kiểm soát, quản lý và tổ chức khai thác kinh doanh.

2. Thời hạn hợp đồng: Không quá 30 năm. Định kỳ 05 năm/lần thực hiện rà soát, đánh giá lại giá trị và công năng tài sản theo đúng quy định hiện hành.

3. Tổng vốn đầu tư dự kiến và cơ cấu vốn góp: Tổng vốn đầu tư dự kiến của Đề án: **64.615.469.322 đồng**, trong đó:

- Trung tâm Du lịch góp vốn bằng giá trị tài sản công: **19.415.469.322 đồng** (tương đương **30,05%** tổng vốn đầu tư).

- Đối tác đóng góp bằng nguồn vốn đầu tư mới: **45.200.000.000 đồng** (tương đương **69,95%** tổng vốn đầu tư).

(Giá trị vốn góp thực tế của đối tác được xác định trên cơ sở quyết toán, kiểm toán độc lập khối lượng đầu tư hoàn thành các hạng mục theo Đề án được duyệt).

TT	Hạng mục đầu tư đối tác thực hiện	Số lượng/ Quy mô	Khái toán kinh phí (đồng)	Thời hạn đưa vào khai thác
1	Thuyền máy điện vận chuyển khách	20 chiếc	10.000.000.000	Tháng 01/2027
2	Trạm sạc thuyền điện tiêu chuẩn	02 trạm	1.200.000.000	Tháng 01/2027
3	Hệ thống chiếu sáng nghệ thuật 3D Mapping	01 hệ thống	15.000.000.000	Tháng 03/2027
4	Hệ thống vé điện tử E-ticket, cổng soát vé tự động	01 hệ thống	4.000.000.000	Tháng 03/2027
5	Bếp ăn, cơ sở nhà hàng Buffet cao cấp	01 hệ thống	12.000.000.000	Tháng 03/2027
6	Chuẩn hóa quy trình và đào tạo nguồn nhân lực	Toàn bộ	3.000.000.000	Tháng 03/2027

4. Mức giá dịch vụ dự kiến

+ Dịch vụ thuyền điện: 100.000đ/khách/lượt;

+ Dịch vụ trải nghiệm 3D Mapping: 150.000đ/khách/lượt;

+ Dịch vụ ẩm thực: 250.000đ/khách/lượt.

Du khách có nhu cầu sử dụng các dịch vụ này thì trả chi phí riêng. Mức giá trên chưa bao gồm phí tham quan (vé vào Điểm du lịch Động Phong Nha

150.000đ/ lượt, động Tiên Sơn 80.000đ/ lượt) theo Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 24/10/2016 của HĐND và Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND của HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Quảng Bình.

IV. ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHÍ LỰA CHỌN ĐỐI TÁC

1. Năng lực, kinh nghiệm trong lĩnh vực liên quan

Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động hợp pháp theo pháp luật Việt Nam; có đăng ký ngành nghề kinh doanh phù hợp với các dịch vụ liên doanh, liên kết (khu, điểm du lịch, vận tải khách thủy nội địa, dịch vụ ăn uống, hoạt động giải trí/công nghệ trình diễn); không trong quá trình giải thể, phá sản, không bị đình chỉ hoạt động kinh doanh hoặc có tranh chấp pháp lý nghiêm trọng.

Vốn chủ sở hữu tối thiểu từ 50 tỷ đồng trở lên (căn cứ Báo cáo tài chính đã kiểm toán 03 năm gần nhất: 2023, 2024, 2025).

Có cam kết bảo lãnh tín dụng của ngân hàng thương mại hợp pháp hoặc văn bản xác nhận số dư khả dụng tối thiểu 45,2 tỷ đồng bảo đảm thu xếp đầy đủ nguồn vốn đầu tư mới.

Tình hình tài chính minh bạch, không có nợ thuế đọng, không thuộc nhóm nợ xấu tại hệ thống ngân hàng.

Đã có kinh nghiệm quản lý, đầu tư khai thác ít nhất 01 dự án du lịch quy mô tương đương (vốn từ 50 tỷ đồng trở lên) hoặc khu, điểm du lịch được công nhận.

2. Hiệu quả phương án tài chính

Xây dựng được phương án tài chính tối ưu hóa chi phí; Đảm bảo xây dựng đầy đủ các khoản phải nộp ngân sách nhà nước; Cam kết đầu tư, cải tạo cơ sở vật chất hiện đại cho việc liên doanh liên kết; Cam kết chia sẻ lợi nhuận cho đơn vị sự nghiệp công lập khi thực hiện liên doanh, liên kết.

3. Cam kết sử dụng lao động và phương án xã hội

Có phương án tiếp nhận, ưu tiên kế thừa và sử dụng lao động của đơn vị, người dân địa phương và kết nối tạo sinh kế ổn định cho cộng đồng dân cư địa phương, không xung đột lợi ích với người dân đang thực hiện dịch vụ vận chuyển bằng thuyền tham quan động Phong Nha, động Tiên Sơn theo Đề án.

4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguồn lực đầu tư phục vụ hoạt động liên doanh, liên kết

Cơ sở vật chất, trang thiết bị sẵn có hoặc nguồn tài chính đảm bảo cho việc đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê tài sản để phục vụ cho hoạt động liên doanh, liên kết phải có đầy đủ hồ sơ về tài sản và nguồn vốn minh bạch theo quy định của Pháp luật.

5. Phương án xử lý tài sản sau khi hết hạn liên doanh, liên kết

Cam kết chuyển giao không bồi hoàn toàn bộ tài sản gắn liền với đất, hạ tầng công trình đầu tư cho Trung tâm Du lịch quản lý, sử dụng sau khi kết thúc thời hạn liên doanh, liên kết hoặc chấm dứt hợp đồng trước hạn theo quy định tại khoản 6 Điều 55 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

6. Các tiêu chí khác về kinh nghiệm, kỹ thuật

- Có giải pháp kỹ thuật cụ thể bảo đảm cam kết nghiêm ngặt của UNESCO và Luật Di sản văn hóa đối với hang động (kiểm soát bước sóng và quang phổ đèn LED, khống chế nhiệt lượng, chống rêu mốc/lám flora, đo đạc quan trắc tự động không khoan cắt xâm hại vách đá trong hang động).

- Có phương án đảm bảo an toàn giao thông đường thủy, PCCC và cứu hộ cứu nạn.

V. THÀNH PHẦN VÀ QUY CÁCH HỒ SƠ ĐĂNG KÝ

Hồ sơ đăng ký tham gia liên doanh, liên kết gồm một (01) bộ gốc và năm (05) bộ chụp (sao y), đóng thành tập riêng biệt, niêm phong kín trong thùng/túi đựng hồ sơ, bao gồm:

1. Văn bản đề nghị tham gia liên doanh, liên kết sử dụng tài sản công;

2. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ công ty;

3. Hồ sơ năng lực tài chính: Báo cáo tài chính kiểm toán 02 năm 2024, 2025; Giấy xác nhận không nợ đọng thuế; Văn bản cam kết cấp tín dụng hoặc cam kết thu xếp vốn tối thiểu 50 tỷ đồng của tổ chức tín dụng;

4. Hồ sơ năng lực kinh nghiệm: Hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh kinh nghiệm thực hiện các dự án du lịch, dịch vụ sinh thái tương đương;

5. Phương án đầu tư và kinh doanh chi tiết: Giải pháp kỹ thuật thuyền điện; Giải pháp chiếu sáng 3D Mapping & cam kết bảo tồn Di sản; Phương án tổ chức nhà hàng ẩm thực buffet; Phương án ứng dụng chuyển đổi số và vé điện tử;

6. Phương án tài chính, tỷ lệ phân chia kết quả hoạt động và cam kết mức lợi nhuận đóng góp tối thiểu cho Trung tâm Du lịch;

7. Phương án tuyển dụng, đào tạo và sử dụng lao động;

8. Văn bản cam kết tuân thủ pháp luật về Lâm nghiệp, Di sản văn hóa, Bảo vệ môi trường và cam kết chuyển giao không bồi hoàn tài sản gắn liền với đất khi hết thời hạn hợp đồng.

9. Phương án đảm bảo an toàn vận chuyển hành khách, bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên… theo quy định của pháp luật.

VI. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ LỰA CHỌN ĐỐI TÁC

1. Thời gian đăng tải và phát hành hồ sơ: Từ ngày 30 tháng 10 năm 2026 đến hết ngày 15 tháng 11 năm 2026.

2. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ: Đến hết 17 giờ 00 phút, ngày 15 tháng 11 năm 2026. Các hồ sơ nộp sau thời điểm trên sẽ không được tiếp nhận và coi như không hợp lệ.

3. Địa điểm phát hành tài liệu và nộp hồ sơ: Phòng Hành chính - Tổng hợp, Trung tâm Du lịch Phong Nha - Kẻ Bàng.

Địa chỉ: Thôn Sơn Trạch, xã Phong Nha, tỉnh Quảng Trị.

Điện thoại: 0977 206 119 (Bà Nguyễn Thị Thanh Thuỷ - Nhân viên Phòng Hành chính - Tổng hợp).

Email: hcth.pnkbtc@gmail.com

4. Phương thức nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp tại Văn phòng Trung tâm hoặc gửi qua đường bưu điện bằng dịch vụ chuyển phát nhanh bảo đảm (thời điểm nhận hồ sơ được tính theo dấu bưu điện đến địa chỉ Trung tâm trước 17 giờ 00 ngày 15/11/2026).

5. Thời gian đánh giá hồ sơ và công bố kết quả: Hội đồng đánh giá sẽ tiến hành chấm chọn hồ sơ trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tiếp nhận hồ sơ. Kết quả lựa chọn đối tác sẽ được công khai trên Cổng thông tin điện tử và thông báo bằng văn bản đến nhà đầu tư trúng tuyển để tiến hành thương thảo, ký kết Hợp đồng liên doanh, liên kết theo đúng Đề án số 669/ĐA-TTDL.

Trung tâm Du lịch Phong Nha - Kẻ Bàng trân trọng thông báo đến các tổ chức, doanh nghiệp có đủ năng lực, điều kiện và quan tâm đăng ký tham gia./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị; } (để b/c);
- BQL VQG PNKB;
- TT Điều hành thông tỉnh QT;
- Ban Biên tập Website VQG; } (để đăng tải)
- Các tổ chức, doanh nghiệp quan tâm;
- Ban Giám đốc TTDL;
- Đăng trên trang https://taisancong.vn;
- Đăng trên website đơn vị;
- Lưu: VT, HCTH, KDDL.

GIÁM ĐỐC

BAN QUẢN LÝ VƯỜN QUỐC GIA PHONG NHA - KẺ BÀNG TỈNH QUẢNG TRỊ
TRUNG TÂM DU LỊCH PHONG NHA KẺ BÀNG

Hoàng Minh Thắng

PHỤ LỤC: DANH MỤC TÀI SẢN TẠI TTDL PHONG NHA - KẺ BÀNG SỬ DỤNG VÀO MỤC ĐÍCH LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

(Kèm theo Thông báo số 671/TB-TTDL ngày 29/10/2026 của Trung tâm Du lịch Phong Nha - Kẻ Bàng)

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng theo sổ sách kế toán	Giá trị TS sử dụng vào mục đích LD, LK theo sổ sách kế toán thời điểm lập đề án		Tỷ lệ tần suất, thời gian sử dụng cho LD, LK (%)	Giá trị TS sử dụng vào mục đích LD, LK theo sổ sách kế toán và tần suất, thời gian sử dụng		Giá trị tài sản sau thẩm định giá số 433/2026/3488-CT-TMC
					Nguyên giá	Giá trị còn lại		Nguyên giá	Giá trị còn lại	
	TỔNG SỐ	**Đồng**			**97.557.288.184**	**69.213.172.383**		**17.462.756.000**	**12.389.160.000**	**108.466.460.918**
I	**TÀI SẢN CÔNG VÔ HÌNH LÀ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**	**Đồng**			**56.235.349.500**	**56.235.349.500**		**10.066.128.000**	**10.066.128.000**	**89.433.446.000**
1	Khuôn viên đất tại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số DO 781326 (Sân trung tâm; 12.011,9m2)	m2	2009	12.011,9	49.549.087.500	49.549.087.500	17,9%	8.869.287.000	8.869.287.000	68.125.207.000
2	Khuôn viên đất tại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AP 402786 (khu vực nhà chờ động; 6.753,80 m2)	m2	2009	6753,8	6.686.262.000	6.686.262.000	17,9%	1.196.841.000	1.196.841.000	21.308.239.000
II	**TÀI SẢN CÔNG HỮU HÌNH**	**Đồng**			**41.321.938.684**	**12.977.822.883**		**7.396.628.000**	**2.323.032.000**	**19.033.014.918**
II.1	**Khu vực sân trung tâm Phong Nha**				**14.411.050.836**	**2.944.254.358**		**2.579.579.000**	**527.022.000**	**6.165.365.041**
1	Nhà chờ đón khách trung tâm (02 nhà chờ tại sân trung tâm)	Cái	2006	2	1.254.368.000	292.200.625	17,9%	224.532.000	52.304.000	1.608.045.404
2	Nhà điều thuyền kiểm soát vé, hàng rào phía tây bến thuyền TT	Cái	2009	1	119.999.300	-	17,9%	21.480.000	-	42.372.044
3	Bến thuyền Trung tâm đón khách	Công trình	2009	1	2.632.891.880	1.367.609.500	17,9%	471.288.000	244.802.000	1.479.089.071
4	Đài phun nước tại sân TT	Cái	2012	1	339.657.000	-	17,9%	60.799.000	-	67.931.400
5	Hàng rào sinh cảnh tại TT	CT	2012	1	345.248.000	-	17,9%	61.799.000	-	69.049.600
6	Thuyền vỏ nhôm	Cái	2013	1	195.000.000	-	17,9%	34.905.000	-	39.000.000

7	Nhà chờ 2 tại trung tâm	Cái	2016	1	1.390.461.000	499.138.283	17,9%	248.893.000	89.346.000	1.419.463.462
8	Chậu cây cảnh sân Trung tâm	Cái	2016	35	656.700.000	-	17,9%	117.549.000	-	131.340.000
9	Sửa chữa nâng cấp TTDL (Sân bãi, nhà cửa)	CT	2016	1	5.235.229.156	-	17,9%	937.106.000	-	
10	Nhà vệ sinh trung tâm	Cái	2018	1	1.577.175.000	497.939.700	17,9%	282.314.000	89.131.000	932.184.960
11	Cổng xoay một chiều tại bến thuyền TT	Cái	2018	6	76.890.000	7.689.000	17,9%	13.763.000	1.376.000	15.378.000
12	Cổng soát vé tại bến thuyền TT	Cái	2018	2	96.082.500	9.608.250	17,9%	17.199.000	1.720.000	19.216.500
13	Hàng rào tại bến thuyền	Cái	2018	1	90.060.000	9.006.000	17,9%	16.121.000	1.612.000	18.012.000
14	Lan can soát vé tại bến thuyền TT	Cái	2018	1	46.575.000	4.657.500	17,9%	8.337.000	834.000	9.315.000
15	Điều hòa Daikin KB35 - 12.000BTU	Cái	2024	1	13.500.000	5.400.000	17,9%	2.417.000	967.000	10.125.000
16	Bảng Led chạy chữ (tại phòng bán vé)	Cái	2024	1	18.900.000	7.560.000	17,9%	3.383.000	1.353.000	11.340.000
17	Hệ thống lan can tại bãi đón khách TTDL Phong Nha - Kẻ Bàng	CT	2025	1	288.114.000	216.085.500	17,9%	51.572.000	38.679.000	259.302.600
18	Điều hòa Nagakawa NIS-C24R2U51	Cái	2026	1	18.657.500	14.926.000	17,9%	3.340.000	2.672.000	15.542.500
19	Điều hòa Nagakawa NIS-C18R2U51	Cái	2026	1	15.542.500	12.434.000	17,9%	2.782.000	2.226.000	18.657.500
II.2	**Khu vực nhà chờ ĐPN và Động Phong Nha**	**Đồng**			**26.910.887.848**	**10.033.568.525**		**4.817.049.000**	**1.796.010.000**	**12.867.649.877**
1	Bến thuyền nhà chờ động Phong Nha	Bến	1997	1	4.897.761.200	3.018.524.250	17,9%	876.699.000	540.316.000	3.359.449.152
2	Hệ thống đường đi lại trong Động Phong Nha	Hệ thống	1999	1	288.451.355	-	17,9%	51.633.000	-	57.690.271
3	Nhà chờ trước cửa động Phong Nha	Cái	2000	1	1.202.592.418	443.249.250	17,9%	215.264.000	79.342.000	843.382.809
4	Hệ thống điện phong nha	Hệ thống	2000	1	4.215.707.000	-	17,9%	754.612.000	-	843.141.400
5	Hệ thống dẫn nước	CT	2000	1	83.465.875	-	17,9%	14.940.000	-	16.693.175

6	Nhà vệ sinh tại khu vực nhà chờ Động Phong Nha	Cái	2006	1	2.036.797.500	859.476.375	17,9%	364.587.000	153.846.000	1.016.929.047
7	Cầu thang Cung Đình	Cái	2006	1	176.584.800	-	17,9%	31.609.000	-	35.316.960
8	Bếp ăn tập thể nhà chờ	Cái	2008	1	10.660.000	-	17,9%	1.908.000	-	154.355.302
9	Nhà đặt máy phát điện dự phòng	Cái	2008	1	109.467.600	-	17,9%	19.595.000	-	181.685.476
10	Máy phát điện SDMOJ150K(Pháp)	Cái	2008	1	607.950.000	-	17,9%	108.823.000	-	121.590.000
11	Máy phát điện dự phòng 120Kw	Cái	2008	1	332.999.700	-	17,9%	59.607.000	-	66.599.940
12	Xử lý đá rơi trên trần động Phong Nha	CT	2016	1	1.751.887.200	-	17,9%	313.588.000	-	
13	Pha bóng led tròn 100W	Cái	2016	5	55.000.000	-	17,9%	9.845.000	-	11.000.000
14	Pha bóng led tròn 150W	Cái	2016	30	385.660.000	-	17,9%	69.033.000	-	77.132.000
15	Hệ thống Camera ở 2 bến thuyền	Bộ	2018	1	64.000.000	-	17,9%	11.456.000	-	12.800.000
16	Giếng khoan nhà chờ	Cái	2018	1	43.000.000	4.300.000	17,9%	7.697.000	770.000	8.600.000
17	Hệ thống sàn đạo và điện chiêu sáng động Phong Nha	CT	2022	1	9.227.177.200	4.613.588.600	17,9%	1.651.665.000	825.832.000	5.536.306.320
18	Bảo trì máy biến áp 180KVA và thay thế đường dây điện trung thế 22KV từ Trằm Mé đến khu vực động Phong Nha	CT	2023	1	533.348.000	320.008.800	17,9%	95.469.000	57.282.000	
19	Hệ thống Camera tại hang Bi Ký, bãi cát động Phong Nha	Hệ thống	2025	1	23.276.000	17.457.000	17,9%	4.166.000	3.125.000	
20	Nhà làm việc, nhà kho, nhà ăn, nhà vệ sinh tại nhà chờ động Phong Nha	CT	2026	1	865.102.000	756.964.250	17,9%	154.853.000	135.497.000	524.978.025

*Ghi chú: Phần giá trị tài sản trực tiếp sử dụng vào mục đích cho thuê liên doanh = Giá trị tài sản đưa vào liên doanh, liên kết sau khi thẩm định giá * Tần suất sử dụng tài sản vào mục đích liên doanh, liên kết = 108.466.460.918 * 17,9% = 19.415.469.322 đồng;*